

Số: /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:**“Điều 4. Bồi thường thiệt hại đối với cây trồng**

1. Đối với vườn cây trồng chuyên canh (chỉ trồng 01 loại cây) thì bồi thường được tính như sau:

a) Trường hợp trồng mật độ thấp hơn mật độ theo quy định Quyết định này thì bồi thường theo mật độ thực tế tại thời điểm kiểm đếm.

b) Trường hợp trồng mật độ cao hơn mật độ theo quy định tại Quyết định này thì chỉ được bồi thường bằng mật độ theo quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp trong cùng một diện tích trồng nhiều loại cây lâu năm, việc xác định loại cây trồng chính, cây trồng xen do chủ sở hữu tài sản lựa chọn; đơn giá bồi thường áp dụng như sau:

a) Trường hợp cây trồng chính có mật độ cao hơn hoặc bằng mật độ theo quy định tại Quyết định này, thì bồi thường 100% giá trị của loại cây trồng đó; không bồi thường cây trồng chính vượt quá mật độ và cây trồng xen.

b) Trường hợp cây trồng chính thấp hơn mật độ theo quy định tại Quyết định này, thì đơn giá bồi thường đối với cây trồng chính bằng 100% giá trị bồi thường của loại cây trồng đó theo số cây thực tế tại thời điểm kiểm đếm; cây trồng xen chỉ được bồi thường sau khi quy đổi mật độ cây trồng chính (theo mật độ quy định của từng loài cây tại Quyết định này) trên diện tích đất canh tác còn dư để trồng xen và được tính bằng 100% đơn giá bồi thường của loại cây trồng đó với mật độ trong quy định, số cây trồng xen vượt mật độ quy định thì không được bồi thường.

3. Cây hàng năm trồng xen, tận dụng quỹ đất trong vườn cây lâu năm, không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây lâu năm, thì cây lâu năm được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này, cây trồng hàng năm được bồi thường theo nguyên tắc:

a) Trường hợp cây lâu năm đang trong thời kỳ kiến thiết hoặc cây lâu năm thấp hơn mật độ quy định tại Quyết định này, cây hàng năm trồng xen được bồi thường 80% giá trị theo đơn giá quy định cho từng loại cây.

b) Trường hợp cây lâu năm đã cho thu hoạch, bằng mật độ quy định tại Quyết định này, cây hàng năm trồng xen được bồi thường 50% giá trị theo đơn giá quy định cho từng loại cây.

c) Trường hợp cây lâu năm vượt mật độ quy định tại Quyết định này, cây hàng năm trồng xen được bồi thường 30% giá trị theo đơn giá quy định cho từng loại cây.

4. Đối với cây hoa, cây cảnh trồng trong chậu; cây trồng trong bầu; trồng trong giỏ; cây trồng có giá trị kinh tế cao; cây trồng chưa cho thu hoạch có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại không quá 5% tổng số cây do phải di chuyển, trồng lại. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường lập dự toán chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế khi phải di chuyển, trồng lại theo giá thực tế ở địa phương làm cơ sở xác định giá trị bồi thường.

Trường hợp không thể di chuyển (do không còn đất để di chuyển và do điều kiện khách quan mà chủ hộ không thể di chuyển), thì được xem xét bồi thường theo giá trị thực tế. Đơn giá bồi thường tùy theo đặc điểm từng loại hoa, cây cảnh, cây trồng có giá trị kinh tế cao do Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường xem xét, quyết định hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định.

5. Đối với các loại cây trồng chưa có trong Quyết định này, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường xác định loại cây trồng tương đương tại Quyết định này để lập và phê duyệt phương án bồi thường. Trường hợp không có loài cây trồng tương đương, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan khác điều tra, khảo sát, tính toán mức giá bồi thường theo thực tế hoặc thuê tổ chức tư vấn để xác định mức độ thiệt hại. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định đơn giá bồi thường đối với cây trồng không có trong Phụ lục đơn giá bồi thường cho từng công trình, dự án cụ thể.

6. Xác định cây trồng tương đương: Căn cứ vào đặc điểm phân loại học thực vật, giai đoạn sinh trưởng, giá trị sản phẩm thu được, đối chiếu đơn giá tại Quyết định này để tính toán áp dụng đơn giá bồi thường cụ thể”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được

1. Đối với vật nuôi là thủy sản

a) Mức bồi thường thiệt hại được tính bằng trọng lượng thủy sản thiệt hại thực tế nhân (x) với Đơn giá bồi thường.

b) Trường hợp bất khả kháng không thể tháo, bơm cạn nước để thực hiện cân trọng lượng bồi thường thiệt hại theo thực tế, đồng thời không xác định được cụ thể loài thủy sản đang nuôi, thì thực hiện quy đổi theo hình thức nuôi hỗn hợp; mức bồi thường được xác định bằng diện tích mặt nước (m²) nhân (x) với đơn giá bồi thường.

2. Đối với vật nuôi khác

Vật nuôi khác mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch, chủ sở hữu vật nuôi không có hoặc không bố trí được cơ sở vật chất, chuồng trại để tiếp tục chăn nuôi; vật nuôi đang trong thời gian xảy ra dịch bệnh do cơ quan thú y xác nhận hoặc không thể bố trí được nơi chăn nuôi mới thì được bồi thường thiệt hại theo thực tế.

Mức bồi thường thiệt hại được tính bằng trọng lượng thịt hơi vật nuôi thực tế nhân (x) với Đơn giá bồi thường. Trường hợp không thể xác định trọng lượng bằng phương pháp cân trực tiếp, trọng lượng của từng cá thể được xác định thông qua phương pháp đo kích thước và tính theo công thức do Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn.

3. Đối với các loại vật nuôi và vật nuôi là thủy sản chưa có trong Quyết định này, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan khác điều tra, khảo sát, tính toán mức giá bồi thường theo thực tế hoặc thuê tổ chức tư vấn để xác định mức độ thiệt hại. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định đơn giá bồi thường đối với vật nuôi, vật nuôi là thủy sản không có trong Phụ lục đơn giá bồi thường cho từng công trình, dự án cụ thể, làm cơ sở lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

1. Thay thế Phụ lục I kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND bằng Phụ lục I.1 kèm theo Quyết định này

(Chi tiết tại Phụ lục I.1 kèm theo)

2. Thay thế Phụ lục II kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND bằng Phụ lục I.2 kèm theo Quyết định này.

(Chi tiết tại Phụ lục I.2 kèm theo)

3. Thay thế Phụ lục III kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND bằng Phụ lục I.3 kèm theo Quyết định này.

(Chi tiết tại Phụ lục I.3 kèm theo)

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án đã thực hiện phê duyệt phương án bồi thường trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì đơn giá bồi thường, hỗ trợ tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

2. Các dự án đã được lập, thẩm định phương án bồi thường trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phê duyệt phương án bồi thường thì phải lập, thẩm định và phê duyệt theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - VP UBND tỉnh: V, C, CB;
 - Lưu: VT, Kt9.
- } (B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải